

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2022/HS-ST

Ngày : 7- 9- 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn.***

***Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hương***

***Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng.***

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương - Thư ký  
Tòa án nhân dân huyện Đ.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Ngô  
Xuân Thành - Chức vụ: Kiểm sát viên.***

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2022/TLHS-ST, ngày 29 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 38/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đỗ Văn T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 26/3/1997; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Xóm ĐV, xã ĐL, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Đỗ Văn A; Sinh năm: 1973; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Con bà: Phù Thị B; Sinh năm: 1975; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Điều trú tại: Xóm ĐV, xã ĐL, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; Vợ con chưa có; Gia đình bị cáo có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Tiền án: 03:

+ Tại Bản án số 72 ngày 25/7/2014 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong Bản án ngày 21/10/2014.

+ Tại Bản án số 70 ngày 23/7/2015 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Tại Bản án số 86 ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ. tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án

số 70 ngày 23/7/2015 buộc phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù. Chấp hành xong Bản án ngày 28/8/2021.

- Tiền sự: Không

- Nhân thân:

+ Ngày 18/01/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PB, tỉnh Thái Nguyên khởi tố về tội “Cướp tài sản”.

+ Ngày 22/4/2022 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PB, tỉnh Thái Nguyên khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác từ ngày 23/02/2022 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

( Có mặt tại phiên tòa).

**\* Người bị hại:**

Cháu Lý Văn G - sinh năm 2008. (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp cho cháu G: Anh Lý Văn N, sinh năm 1982 (bố đẻ cháu G). (Có mặt )

Trú tại: Xóm BQ, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho cháu Lý Văn G bà Nguyễn Thị Ngọc Q- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt )

**\* Người làm chứng:**

Anh Lô Văn H - sinh năm 1974. (Vắng mặt)

Ông Lý Văn I, sinh năm 1956 (Vắng mặt)

Chị Nông Thị M, sinh 1993 (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Xóm BQ, xã VH, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 5, phường TT, TP T, tỉnh Thái Nguyên.

Anh Nguyễn Đình Y, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 5, phường TT, TP Thái nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 00 phút ngày 17/02/2022, Đỗ Văn T một mình điều khiển xe mô tô loại xe Dream (không rõ Biển kiểm soát) đi từ nhà đến nhà anh Lô Văn Hà (sinh năm 1974) ở xóm BQ, xã VH, huyện Đ chơi. Khi đi đến khu vực xóm BQ, xã VH, huyện Đ, T không biết rõ nhà anh Lô Văn H nên đã hỏi ông Lý Văn F (sinh năm 1956, trú tại xóm BQ, xã VH, huyện Đ), lúc đó ông F cũng đang trên đường đi đến

nhà anh Hà để cắt tóc. Được ông F chỉ nhà, T chở ông F cùng đến nhà anh Hà. Tại đây, ông F, anh Hà và T cùng nhau ngồi ăn cơm, uống rượu đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày thì T đứng dậy, chở ông F về. T vào nhà ông F ngồi uống nước khoảng chừng 05 phút rồi lấy xe ra về. Trên đường về, T đi qua nhà anh Lý Văn N (là con trai ông F) sinh năm 1982, cư trú cùng xóm, thì thấy có cháu Lý Văn G (sinh ngày 01/8/2008) con trai anh N, đang ở nhà một mình, trên tay đang cầm 01 chiếc điện thoại di động. Thấy vậy, T dựng xe ở sân nhà anh N, vào nhà ngồi sát phía bên tay phải cháu G và hỏi mượn chiếc điện thoại để chụp ảnh, sau đó đã trả lại cho cháu G. Sau đó, ông Lý Văn F đi vào nhà anh N trong tình trạng say rượu và ngồi nói chuyện tại bàn uống nước, đối diện chỗ ngồi của T và cháu G. Lúc này, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên tay cháu G nên T tiếp tục hỏi mượn điện thoại để chụp ảnh nhưng cháu G không đồng ý. T liền dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên tay cháu G và nhanh chóng đi ra ngoài rồi lên xe máy bỏ chạy. Sau đó đến 17 giờ 00 phút cùng ngày, T mang chiếc điện thoại đến cửa hàng điện thoại “Tuấn Dũng” của anh Nguyễn Văn R (sinh năm 1987) ở tổ 5, phường TT, thành phố Thái Nguyên và bán cho anh R với giá 1.500.000 đồng, số tiền đó T sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Ngày 18/02/2022 anh Lý Văn N đã làm đơn trình báo đến Công an xã VH đề nghị giải quyết.

Tại Bản Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐGTS ngày 14/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại Y11, màu xanh đã qua sử dụng, máy vẫn hoạt động bình thường, có giá trị tại thời điểm ngày 17/02/2022 là: 1.650.000 đồng.

Vật chứng vụ án:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Dream, BKS: 20F9-6339, hiện đang bị thu giữ trong 01 vụ án khác.
- 01 chiếc điện thoại Vivo Y11 màu xanh (không thu giữ được).
- 01 vỏ hộp điện thoại di động, trên vỏ hộp có ghi thông tin điện thoại Vivo Y11 màu xanh, số IMEI 1: 868613040731938, số IMEI 2: 868613040731920, vỏ hộp điện thoại đã qua sử dụng, được bảo quản theo quy định, chờ xử lý.

Về phần dân sự: Bị cáo chưa bồi thường. Anh Lý Văn N (người đại diện hợp pháp của cháu G) yêu cầu Đỗ Văn T bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 34/CT-VKSĐH ngày 25/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Xác định tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành “

Cướp giật tài sản ”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo thể hiện qua bản cáo trạng và đề nghị mức hình phạt như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội: “ Cướp giật tài sản” về hình phạt đề nghị như sau:

Áp dụng điểm g, i khoản 2 Điều 171 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo T mức án từ 04 đến 05 năm tù.

Không áp dụng phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 171 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và người bị hại.

Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46; 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng 01 vỏ hộp điện thoại di động, trên vỏ hộp có ghi thông tin điện thoại Vivo Y11 màu xanh, số IMEI 1: 868613040731938, số IMEI 2: 868613040731920, vỏ hộp điện thoại đã qua sử dụng.

Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật.

Trong phần tranh luận, bà Nguyễn Thị Ngọc Q trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên trình bày luận cứ cho người bị hại:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thì hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 BLHS như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội. Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị từ 04 đến 05 năm là phù hợp. Về trách nhiệm dân sự chiếc điện thoại di động mà bị cáo chiếm đoạt của cháu G chủ sở hữu là của anh N bố đẻ cháu G, do không thu hồi được vật chứng là chiếc điện thoại tại phiên tòa anh N đề nghị bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường theo giá trị tài sản của kết luận định giá tài sản là 1.650.000đ bị cáo nhất trí bồi thường việc thỏa thuận là tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường trách nhiệm dân sự.

Trong lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận việc bị truy tố xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra họ đã có đầy đủ lời khai. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với những người trên.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố

đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào theo quy định của pháp luật; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, biên bản hiện trường, vật chứng vụ án, lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ xác định:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 17/02/2022, tại nhà anh Lý Văn N ở xóm BQ, xã VH, huyện Đ, bị cáo Đỗ Văn T dùng tay trái cướp giật trên tay của cháu Lý Văn G (sinh ngày 01/8/2008) 01 chiếc điện thoại Vivo Y11, màu xanh, trị giá 1.650.000 đồng và nhanh chóng đi ra ngoài rồi lên xe máy bỏ chạy.

Bị cáo T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, nên lần phạm tội này thuộc trường hợp “tái phạm nguy hiểm”.

Với hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm, cáo trạng truy tố bị cáo về tội Cướp giật tài sản theo điểm g, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự là đúng quy định.

Nội dung Điều 171 Bộ luật hình sự quy định:

*“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm...”*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:*

*...*

*g) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi,...*

*i) Tái phạm nguy hiểm.”*

Bị cáo phải chịu hình phạt do hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện theo điều luật nói trên.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm G, hành vi phạm tội của bị cáo lợi dụng chủ sở hữu tài sản con nhỏ tuổi không để ý bị cáo thực hiện giật tài sản rồi bỏ chạy của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng nhân dân, mà còn xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải cách ly bị cáo một thời gian nhất định mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền sự. Nhưng bị cáo đã có tiền án tại Bản án số 68 ngày 30/10/2015 của Tòa án nhân dân huyện Đ. tỉnh Thái Nguyên xử phạt 06 năm tù, về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 70 ngày 23/7/2015 buộc phải chấp hành hình phạt chung là 07 năm tù. Chấp hành xong Bản án ngày 28/8/2021, sau khi bị cáo tái hoà nhập cộng đồng nhưng không coi đó là bài học lại tiếp tục phạm tội nên xác định bị cáo có nhân thân rất xấu, coi thường pháp luật. Do vậy cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định thì mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Xét thấy, trước đó bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên xét xử và tuyên Bản án số 68/2022/HS-ST ngày 08/7/2022, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 10 năm 06 tháng tù về hai tội “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”. Bản án trên hiện đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 BLHS thì Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử và tổng hợp hình phạt với Bản án số 68/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ, xét thấy bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, thu nhập. Do đó cần không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 chiếc điện thoại Vivo Y11 màu xanh không thu giữ được. Tại bản Kết luận định giá số 09/KL-HĐĐGTS ngày 14/3/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo, loại Y11, màu xanh đã qua sử dụng, máy vẫn hoạt động bình thường, có giá trị tại thời điểm ngày 17/02/2022 là: 1.650.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của cháu G người bị hại ( anh N ) yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt chiếc điện thoại di động theo trị giá của kết luận định giá tài sản bị cáo nhất trí bồi thường nhất trí cho người bị hại. Xét thấy, việc thoả thuận bồi thường trách nhiệm dân sự giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận bồi thường trách nhiệm dân sự.

[7] Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự : Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng 01 vỏ hộp điện

thoại di động, trên vỏ hộp có ghi thông tin điện thoại Vivo Y11 màu xanh, số IMEI 1: 868613040731938, số IMEI 2: 868613040731920, vỏ hộp điện thoại đã qua sử dụng.

Trong vụ án này, anh Nguyễn Văn R là người đã mua chiếc điện thoại nhưng không biết tài sản do bị cáo T phạm tội mà có, nên không xem xét, xử lý.

Xét lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý của người bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với những phân tích ở trên, xét lời đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, người bị hại và đại diện hợp pháp của người bị hại, có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên.

### QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự.

\* **Tuyên bố:** Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội: “*Cướp giật tài sản*”.

Áp dụng: điểm g, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Điều 38, Điều 55, 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Đỗ Văn T 05 ( *Năm* ) năm tù.

Tổng hợp hình phạt với bản án số 68/2022/HS-ST ngày 08/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên, xử phạt bị cáo Đỗ Văn T 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù về hai tội “*Cướp tài sản*” và “*Trộm cắp tài sản*”. Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2022.

Miễn hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 171 BLHS đối với bị cáo.

\* **Về trách nhiệm dân sự:** Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và người đại diện hợp pháp của người bị hại. Buộc bị cáo T phải bồi thường giá trị tài sản cho người bị hại cháu G ( đại diện hợp pháp của cháu G ông Lý Văn N) số tiền 1.650.000đ ( Một triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại cháu Lý Văn G ( đại diện hợp pháp của cháu G ông Lý Văn N) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Đỗ Văn T không thi hành khoản tiền trên cho đến khi thi hành xong thì bị cáo còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-*

*uống chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**\* Vật chứng vụ án :** Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy vật chứng không có giá trị sử dụng 01 vỏ hộp điện thoại di động, trên vỏ hộp có ghi thông tin điện thoại Vivo Y11 màu xanh, số IMEI 1: 868613040731938, số IMEI 2: 868613040731920, vỏ hộp điện thoại đã qua sử dụng.

*(Tình trạng vật chứng như trong biên bản giao vật chứng ngày 18/8/2022 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).*

**\* Án phí:** Áp dụng Điều 135 BLTTHS; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và đại diện hợp pháp của người bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết/.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- CQTHAHS huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã ĐL, huyện PB.
- B/c; người bị hại, người liên quan.
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**ĐÃ KÝ**

**Nguyễn Quang Tuấn**